X. Báo Cáo Tài Chính Kiểm Toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0464/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (gọi tắt là Ngân hàng) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính tổng hợp kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng được ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: triệu VND

	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I.	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**511,554**	**369,564**
II.	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**422,913**	**1,413,211**
III.	**Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác**	**11,737,626**	**14,098,513**
1.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	11,737,626	14,098,513
2.	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-
3.	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
IV.	**Chứng khoán kinh doanh**	**74,044**	**-**
1.	Chứng khoán kinh doanh	74,044	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	**Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**-**	**-**
VI.	**Cho vay khách hàng**	**22,669,954**	**22,356,307**
1.	Cho vay khách hàng	22,954,356	22,628,912
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(284,402)	(272,605)
VII.	**Chứng khoán đầu tư**	**8,482,302**	**10,471,738**
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8,282,302	10,271,688
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	200,000	200,050
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
VIII.	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**269,393**	**266,029**
1.	Đầu tư vào công ty con	102,000	102,000
2.	Vốn góp liên doanh	-	-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	172,750	169,750
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5,357)	(5,721)
IX.	**Tài sản cố định**	**1,089,166**	**635,445**
1.	Tài sản cố định hữu hình	558,868	396,812
a.	*Nguyên giá tài sản cố định*	*775,211*	*567,459*
b.	*Hao mòn tài sản cố định*	*(216,343)*	*(170,647)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
a.	Nguyên giá tài sản cố định	-	-
b.	Hao mòn tài sản cố định	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	530,298	238,633
a.	*Nguyên giá tài sản cố định*	*551,902*	*247,749*
b.	*Hao mòn tài sản cố định*	*(21,604)*	*(9,116)*
X.	**Tài sản có khác**	**2,024,814**	**1,600,176**
1.	Các khoản phải thu	737,293	578,224
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	1,033,958	754,220
3.	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	712
4.	Tài sản có khác	253,563	267,020
5.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	-	-
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	**47,281,766**	**51,210,983**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2011

Đơn vị tính: triệu VND

	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I.	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**3,053,376**	**7,684,133**
II.	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**	**15,987,332**	**14,343,264**
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	15,497,332	14,343,264
2.	Vay các TCTD khác	490,000	-
III.	**Tiền gửi của khách hàng**	**20,368,814**	**21,402,745**
IV.	**Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**-**	**-**
V.	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	**1,308,489**	**1,222,104**
VI.	**Phát hành giấy tờ có giá**	**2,370,518**	**2,358,942**
VII.	**Các khoản nợ khác**	**1,006,216**	**986,301**
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	477,783	507,077
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	523,508	475,914
4.	Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	4,925	3,310
	Cộng nợ phải trả	**44,094,745**	**47,997,489**
VIII.	**Vốn và các quỹ**	**3,187,021**	**3,213,494**
1.	Vốn của tổ chức tín dụng	3,100,757	3,045,205
a.	*Vốn điều lệ*	*3,062,152*	*3,006,600*
b.	*Vốn đầu tư XDCB*	-	-
c.	*Thặng dư vốn cổ phần*	-	-
d.	*Cổ phiếu quỹ*	-	-
e.	*Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
f.	*Vốn khác*	*38,605*	*38,605*
2.	Quỹ của tổ chức tín dụng	2,277	132,785
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	83,987	35,504
		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		**47,281,766**	**51,210,983**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: triệu VND

	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I.	**Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**	**484,895**	**332,979**
1.	Bảo lãnh vay vốn	-	-
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	91,785	36,515
3.	Bảo lãnh khác	393,110	296,464
II.	**Các cam kết đưa ra**	-	-
1.	Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
2.	Cam kết khác	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6,287,650	4,278,824
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	5,251,916	3,342,426
I.	**Thu nhập lãi thuần**	**1,035,734**	**936,398**
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	43,012	81,749
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	41,609	41,994
II.	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**	**1,403**	**39,755**
III.	**Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối**	**16,203**	**(22,999)**
IV.	**Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	-	-
V.	**Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**21,814**	-
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	65,607	66,051
6.	Chi phí từ hoạt động khác	16,227	4,264
VI.	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác**	**49,380**	**61,787**
VII.	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**203**	**105**
VIII.	**Chi phí hoạt động**	**938,258**	**783,279**
IX.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**186,479**	**231,767**
X.	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**72,467**	**121,126**
XI.	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**114,012**	**110,641**
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29,313	29,051
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	712	611
XII.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**30,025**	**29,662**
XIII.	**Lợi nhuận sau thuế**	**83,987**	**80,979**
XIV.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6,007,912	4,013,674
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(5,281,210)	(3,207,793)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	1,403	39,755
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	38,017	(22,999)
05.	Thu nhập khác	(10,090)	6,619
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3,203	1,577
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(872,257)	(738,985)
08.	Tiền thuế thực nộp trong năm	(37,980)	(24,176)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động	***(151,002)***	***67,672***
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác	732,099	(568,680)
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	1,915,392	(3,313,366)
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(328,955)	(2,502,208)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	1,251	6,298
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(145,612)	76,761
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(4,630,757)	921,016
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	1,644,068	3,985
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	(1,033,931)	6,452,608
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)	11,576	1,606,846
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro	86,385	140,231
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(2,019)
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	56,261	235,982
22.	Chi từ các quỹ của TCTD	(117,059)	(17,176)
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**(1,960,284)**	**3,107,950**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)

Năm 2011

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01.	Mua sắm tài sản cố định	(520,739)	(364,467)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	124	309
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)	(3,000)	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	203	105
II.	**Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư**	**(523,412)**	**(364,053)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	6,600	1,937,394
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	-	-
III.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**6,600**	**1,937,394**
IV.	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**(2,477,096)**	**4,681,291**
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm**	**13,506,336**	**8,825,045**
VI.	**Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá**	**-**	**-**
VII.	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm**	**11,029,240**	**13,506,336**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012